

BỘ CÔNG THƯƠNG
VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC, CHÍNH SÁCH CÔNG THƯƠNG

ĐỀ CƯƠNG

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP
CHẾ BIẾN SỮA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
BỘ CÔNG THƯƠNG

CƠ QUAN THỰC HIỆN
**VIỆN NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC,
CHÍNH SÁCH CÔNG THƯƠNG**

HÀ NỘI, 2024

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Cơ sở pháp lý xây dựng chiến lược

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Thông tư số 06/2023/TT-BTNMT ngày 31/07/2023 về việc Hướng dẫn lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 24/11/2017;
- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030;
- Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội: Về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Nghị quyết số 90/NQ-CP của Chính phủ: Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045;
- Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia 2023.

2. Sự cần thiết xây dựng chiến lược

Trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, ngành sữa được coi là ngành kinh tế có vị trí trong sự phát triển của đất nước. Bộ Công Thương phê duyệt quy hoạch phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2023 tại Quyết định số 3399/QĐ-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010. Sau hơn 10 năm thực hiện quy hoạch, các định hướng phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam đến nay tuy chưa đạt được đầy đủ một số mục tiêu đề ra nhưng cũng có bước phát triển mạnh mẽ. Nếu như năm 2015, sản xuất trong nước mới chỉ đáp ứng khoảng 34% nhu cầu sữa chế biến, thì đến năm 2020, con số đó đã là 38%. Mức tiêu thụ sữa bình quân đầu người cũng có sự gia tăng đáng kể, lần lượt là 16 kg/ người/ năm lên 20 kg/

người/ năm và hơn 24 kg/ người/ năm vào các năm 2015, 2020 và năm 2022. Nhiều thương hiệu của công ty sữa đã được người tiêu dùng tin dùng như Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk), Công ty cổ phần Thực phẩm sữa TH (TH True Milk), Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (Mộc Châu Milk)... Sản phẩm của một số doanh nghiệp ngành sữa không những được tiêu dùng và có uy tín ở thị trường nội địa mà còn được xuất khẩu sang thị trường gần 50 nước trên thế giới.

Các doanh nghiệp ngành sữa đã chủ động, sáng tạo tìm hướng đi thích hợp như đầu tư công nghệ mới, thiết bị dây chuyền sản xuất chế biến hiện đại cùng với hệ thống phân phối thông minh để tạo ra sản phẩm mới có chất lượng cao và có uy tín đáp ứng thị trường trong và ngoài nước. Ngành sữa ngày càng khẳng định vai trò trong sự phát triển của nền kinh tế đất nước, đảm bảo an ninh thực phẩm cho nước nhà.

Bên cạnh những thành tựu của ngành sữa trong thời gian qua, phát triển ngành sữa Việt Nam vẫn còn những bất cập, hạn chế cần khắc phục, như:

Thứ nhất, hiện nay Việt Nam mới chỉ có 25% của tổng số bò sữa được nuôi tập trung ở trang trại, với trên 70.000 bò sữa (chủ yếu tại trang trại của công ty Vinamilk và TH Milk). Tuy nhiên, do nguồn cung cấp thức ăn chăn nuôi và giá trị đầu tư chăn nuôi còn vẫn cao dẫn đến các sản phẩm sữa của Việt Nam là một trong những sản phẩm sữa có giá thành cao so với sản phẩm sữa cùng loại trên thế giới.

Thứ hai, thiếu quy hoạch hoặc có quy hoạch nhưng quản lý quy hoạch còn hạn chế, mạng lưới sản xuất nguyên liệu sữa tươi và khu vực chế biến sữa chưa đáp ứng yêu cầu phát triển chung của ngành. Ở nhiều địa phương, việc đầu tư xây dựng các cơ sở chế biến mất cân đối với nguồn nguyên liệu, làm giảm hiệu quả sản xuất, kinh doanh, dẫn tới phát triển ngành chưa ổn định, không bền vững.

Thứ ba, công nghiệp chế biến sữa vẫn còn hạn chế, dẫn đến đóng góp của công nghiệp chế biến trong nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm sữa hàng hoá hiện nay vẫn còn thấp.

Thứ tư, chất lượng và chủng loại sản phẩm sữa chưa đa dạng, phát triển các sản phẩm từ sữa chưa nhiều, tính cạnh tranh kém, giá trị gia tăng chưa cao, giá sữa xuất khẩu thường thấp hơn giá thị trường thế giới cùng loại 5-10%. Sản phẩm chế biến còn đơn điệu, việc đầu tư chế biến sâu, sản xuất ra các sản phẩm có giá trị gia tăng cao còn chiếm tỷ lệ thấp so với tổng sản lượng sản phẩm chế biến. Đặc biệt là các sản phẩm chế biến sau sữa chưa đáp ứng được thị trường nội địa và xuất khẩu.

Thứ năm, nguồn cung nguyên liệu chưa đáp ứng được nhu cầu chế biến sữa trong nước. Sản xuất sữa nguyên liệu phải đối mặt với sự mất cân bằng cung và cầu khi nguồn sữa trong nước chỉ đáp ứng khoảng 35-40% tổng nhu cầu sữa dùng chế biến. Sự phụ thuộc nhiều vào thị trường nước ngoài đối với nguyên liệu đầu vào tạo ra nguy cơ chèn ép lợi nhuận do biến động giá của các sản

phẩm sữa nhập khẩu. Nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng nguyên liệu cũng gia tăng nguy cơ gây thiệt hại cho doanh nghiệp chế biến.

Trước xu thế hội nhập kinh tế quốc tế với việc Việt Nam đã ra nhập WTO và tham gia ký kết 17 Hiệp định thương mại tự do như CPTPP, AFTA, EVFTA,... sẽ tạo nhiều cơ hội mới như lộ trình cắt giảm thuế quan theo các FTA, tạo điều kiện cho doanh nghiệp xuất khẩu sữa ra thị trường thế giới, cộng với Chương trình sữa học đường của Chính phủ đã được triển khai rộng khắp cả nước, giúp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm... Song hành với những cơ hội trên là các thách thức mới cho sự phát triển của ngành sữa Việt Nam bao gồm sức ép cạnh tranh từ các doanh nghiệp ngoại, sự thay đổi về thị hiếu và thói quen của người tiêu dùng với sản phẩm sạch, sản phẩm hữu cơ,...

Nhằm không chỉ đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đóng vai trò định hướng giúp cho các cơ quan nhà nước và các địa phương xây dựng cơ chế, chính sách, huy động các nguồn lực để điều hành sự phát triển của ngành sữa Việt Nam trong thời gian tới, việc lập Chiến lược phát triển ngành sữa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là rất cần thiết và cấp bách nhằm hiện thực hóa các mục tiêu đã được đặt ra của giai đoạn trước cũng như trong giai đoạn mới: phát triển bền vững ngành sữa Việt Nam, ngành công nghiệp chế biến sữa trở thành ngành có công nghệ hiện đại với cơ cấu ngành đồng đều, sản phẩm có giá trị gia tăng cao đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới.

3. Mục tiêu, yêu cầu, đối tượng, phạm vi chiến lược

3.1. Mục tiêu của chiến lược

Xác định được mục tiêu chung của ngành, đề xuất được các định hướng phát triển và các giải pháp thúc đẩy, hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong đó xác định được một số chỉ tiêu như:

- Chỉ tiêu về sản phẩm, sản lượng;
- Chỉ tiêu về thị phần sữa sản xuất trong nước;
- Chỉ tiêu về xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu;
- Định hướng phát triển các sản phẩm sữa theo hướng xanh, tuần hoàn và tiết kiệm năng lượng;
- Định hướng tăng thị phần sữa sản xuất trong nước nhằm từng bước thay thế sản phẩm nhập khẩu;
- Định hướng về công nghệ sản xuất và phát triển nguồn nguyên liệu ngành sữa;
- + Định hướng xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu ngành sữa.

3.2. Nội dung của chiến lược

1) Đánh giá thực trạng ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam

- Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa: những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, và nguyên nhân của hạn chế;

- Đánh giá thực trạng cơ chế, chính sách phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa.

2) *Dự báo một số yếu tố ảnh hưởng đến phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam*

- Đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến phát triển của ngành công nghiệp chế biến sữa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Dự báo xu hướng phát triển ngành sữa, xu hướng thị trường sữa;

- Dự báo nhu cầu tiêu thụ sữa.

3) *Quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*

- Xây dựng các quan điểm phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa;

- Xây dựng, xác định mục tiêu phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa (các chỉ tiêu cụ thể về: chủng loại sữa; sản lượng sữa; thị phần; xuất khẩu sữa;... và đổi mới công nghệ trong sản xuất, chế biến sữa);

+ Định hướng chiến lược phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam đến năm 2030, nhóm công nghệ, sản phẩm khuyến khích đầu tư, phát triển.

4) *Xây dựng Báo cáo lồng ghép đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) ngành sữa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*

- Xác định phạm vi của ĐMC và các vấn đề môi trường chính liên quan đến Chiến lược;

- Đánh giá sự phù hợp giữa các quan điểm, mục tiêu của Chiến lược ngành sữa với các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường;

- Dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp thực hiện Chiến lược;

- Tổ chức việc tham vấn và kết quả tham vấn các bên liên quan trong quá trình ĐMC;

- Những nội dung của Chiến lược phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa đã được điều chỉnh trên cơ sở kết quả thực hiện ĐMC và các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường;

- Các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục các tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình thực hiện Chiến lược: Giải pháp về công nghệ, kỹ thuật; Giải pháp về quản lý; Giải pháp khác.

Kết luận và kiến nghị

5) *Giải pháp và tổ chức thực hiện chiến lược*

- Các nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện thể chế môi trường kinh doanh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam theo hướng hiện đại, xanh và bền vững;
- Nhóm giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu sữa Việt Nam;
- Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, tham gia trong chuỗi cung ứng ngành công nghiệp chế biến sữa;
- Tổ chức thực hiện chiến lược.

3.3. Yêu cầu

Đánh giá cụ thể thực trạng phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam thời gian qua, trong đó tập trung vào giai đoạn 2011 đến nay.

Đánh giá hiện trạng và kết quả thực hiện Quy hoạch Phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 đã được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 3399/QĐ-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010; từ đó đánh giá được những mặt được, chưa được; xác định nguyên nhân; rút ra những bài học kinh nghiệm làm cơ sở cho việc xây dựng Chiến lược phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Đề xuất các mục tiêu phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam trong từng giai đoạn, xây dựng các luận cứ khoa học và thực tiễn để hoạch định kế hoạch 10 năm phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam.

Chiến lược phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 giới hạn trong phạm vi cả nước. Thời gian đến năm 2045 và chia làm 02 giai đoạn: giai đoạn 2021 - 2030 và định hướng đến giai đoạn 2031 - 2045

3.4. Đối tượng: Ngành công nghiệp chế biến sữa Việt Nam

- Tập trung vào chiến lược phát triển một số sản phẩm sữa quan trọng: Sữa thanh trùng, tiệt trùng, sữa đặc có đường, sữa bột và sữa chua.
- Nguyên liệu chế biến, yêu cầu về số lượng và chất lượng.
- Các doanh nghiệp trong nước sản xuất nguyên liệu, chế biến sữa và các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài sản xuất, nhập khẩu sữa chế biến.
- Thị trường tiêu thụ, nhập khẩu: thị trường trong nước và thị trường xuất nhập khẩu.

3.5. Phạm vi nghiên cứu của chiến lược

- Về không gian: Ngành công nghiệp chế biến sữa trên phạm vi toàn quốc.
- Về thời gian: Đánh giá thực trạng đến năm 2023, thời gian xây dựng chiến lược đến năm 2030, một số dự báo và định hướng đến năm 2045.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Điều tra, thu thập số liệu, khảo sát thực tế: Phục vụ phân tích, đánh giá hiện trạng;
- Phương pháp dự báo: Sử dụng một số công cụ và phương pháp định tính, định lượng trong dự báo và xây dựng kịch bản phát triển;
- Phương pháp chuyên gia: Dùng trong tham vấn về các mục tiêu và định hướng phát triển ngành.

5. Cơ quan chủ trì, phối hợp

- Cơ quan chủ trì: Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách Công Thương.
- Cơ quan phối hợp: Cục Công nghiệp; các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp ngành sữa, Hiệp hội ngành hàng Việt Nam,...

6. Sản phẩm

- Báo cáo chiến lược bao gồm: báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt;
- Dự thảo Tờ trình, Quyết định phê duyệt Chiến lược.

7. Tiến độ thực hiện: từ tháng 01/2024 đến tháng 9 năm 2024

- Tháng 01/2024 - 6/2024: hoàn thành Dự thảo lần 1: Báo cáo tổng hợp; Dự thảo Tờ trình và Dự thảo Quyết định phê duyệt gửi xin ý kiến Ban cán sự và các Bộ/ ngành và địa phương có liên quan.
- Tháng 8/2024: Tiếp thu ý kiến, chỉnh sửa, hoàn thiện Dự thảo lần 2 gửi Cục Công nghiệp trình Lãnh đạo Bộ và báo cáo Ban cán sự.
- Tháng 9/2024: Tiếp thu ý kiến, hoàn thiện lần cuối, báo cáo Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược.

8. Kết cấu của chiến lược

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của chiến lược được kết cấu làm 05 phần như sau:

PHẦN I

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN SỮA VIỆT NAM

1. Bối cảnh

- 1.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực
- 1.2. Bối cảnh trong nước

2. Thực trạng phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa

- 2.1. Thực trạng qui mô và năng lực sản xuất
 - Qui mô doanh nghiệp
 - Năng lực sản xuất

- Tăng trưởng và chất lượng tăng trưởng
- Chung loại sản phẩm
- Thực trạng nguồn nhân lực ngành công nghiệp chế biến sữa
- Trình độ và năng lực công nghệ sản xuất, chế biến sữa
- Năng lực cạnh tranh ngành sữa

2.2. Thực trạng thị trường tiêu thụ

- Phân tích đánh giá thực trạng qui mô thị trường và thị phần
- Phân tích đánh giá về thị trường xuất khẩu và mức độ tham gia chuỗi giá trị

2.3. Thực trạng phát triển nguồn nguyên liệu cho sản xuất, chế biến sữa

2.4. Tình hình thu hút đầu tư trong ngành công nghiệp chế biến sữa

2.5. Một số cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển ngành sữa

2.6. Đánh giá chung về phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa

- Kết quả đạt được
- Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu, định hướng trong các chiến lược, quy hoạch, đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa trước đây

- 3.1. Những thành kết quả đạt được
- 3.2. Những hạn chế, yếu kém
- 3.3. Nguyên nhân của hạn chế, yếu kém
- 3.4. Bài học kinh nghiệm

3. Kinh nghiệm một số quốc gia trên thế giới về xây dựng chiến lược phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa và bài học cho xây dựng Chiến lược phát triển ngành sữa Việt Nam

3.1 Kinh nghiệm một số nước

- 3.1.1. Kinh nghiệm của New Zealand
- 3.1.2. Kinh nghiệm của Úc

3.2. Bài học rút ra cho xây dựng chiến lược phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa của Việt Nam

PHẦN II

DỰ BÁO CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN SỮA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Yếu tố bên ngoài

- 1.1. Dự báo xu hướng sản xuất sữa toàn cầu
- 1.2. Dự báo xu hướng tiêu dùng sữa toàn cầu
- 1.3. Dự báo xu hướng giá cả sữa thế giới
- 1.4. Xu hướng điều chỉnh chính sách đối với ngành công nghiệp chế biến sữa của các quốc gia
- 1.5. Dự báo xu hướng phát triển bền vững và bảo vệ môi trường đối với phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa trên thế giới

2. Yếu tố bên trong

- 2.1. Dự báo phát triển kinh tế - xã hội
- 2.2. Dự báo tăng trưởng dân số và thu nhập dân cư
- 2.3. Dự báo khả năng sản xuất của ngành sữa
- 2.4. Dự báo nhu cầu tiêu thụ sữa trong nước
- 2.5. Dự báo tiềm năng xuất nhập khẩu sữa
- 2.6. Dự báo nhu cầu nguyên liệu ngành sữa

3. Phân tích SWOT đối với ngành công nghiệp chế biến sữa

- 3.1. Điểm mạnh
- 3.2. Điểm yếu
- 3.3. Cơ hội
- 3.4. Thách thức
- 3.5. Xây dựng các ma trận kết hợp

PHẦN III

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN SỮA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Quan điểm phát triển

2. Mục tiêu phát triển

2.1. Mục tiêu tổng quát

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Giai đoạn đến năm 2030

- Mục tiêu cung ứng nguồn nguyên liệu cho sản xuất, chế biến sữa
- Mục tiêu sản xuất, chế biến sữa
- Mục tiêu phát triển thị trường sữa

- + Phát triển thị trường trong nước
- + Phát triển thị trường xuất nhập khẩu

2.2.2. Giai đoạn đến năm 2045

- Mục tiêu cung ứng nguồn nguyên liệu cho sản xuất, chế biến sữa
- Mục tiêu sản xuất, chế biến sữa
- Mục tiêu phát triển thị trường sữa
- + Phát triển thị trường trong nước
- + Phát triển thị trường xuất nhập khẩu

3. Định hướng phát triển

3.1. Định hướng chung

3.2. Định hướng cụ thể

3.2.1. Định hướng phát triển sản xuất

- Định hướng tăng cường chủ động về nguồn cung nguyên liệu cho sản xuất, chế biến sữa

- Định hướng phát triển các sản phẩm sữa
- Định hướng phát triển các doanh nghiệp sữa
- Định hướng thu hút đầu tư cho ngành sữa
- Định hướng nghiên cứu và triển khai nhằm phát triển các sản phẩm sữa

3.2.2. Định hướng phát triển thị trường tiêu thụ sữa

- Định hướng phát triển thị trường trong nước
- Định hướng phát triển thị trường xuất nhập khẩu

3.2.3. Định hướng nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh cho sản phẩm và doanh nghiệp sữa

3.2.4. Định hướng phát triển nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp chế biến sữa

3.2.5. Định hướng thu hút đầu tư, đổi mới công nghệ cho ngành công nghiệp chế biến sữa

3.2.6. Định hướng phát triển hạ tầng cho ngành công nghiệp chế biến sữa

PHẦN IV

ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN SỮA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

1. Đánh giá sự phù hợp của chính sách có liên quan đến bảo vệ môi trường trong chiến lược với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường

1.1. Các quan điểm, mục tiêu, chính sách có liên quan đến bảo vệ môi trường (BVMT) và phát triển bền vững điều ước quốc tế về BVMT mà Việt Nam là thành viên và theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

1.2. Các quan điểm thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu được lựa chọn

1.3. Xác định các vấn đề môi trường chính của chiến lược

1.4. Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính

1.5. Đánh giá, dự báo tác động của chiến lược ngành sữa đến biến đổi khí hậu và ngược lại

1.6. Phân tích sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu, chính sách của chiến lược với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

1.7. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy và những vấn đề còn chưa chắc chắn của dự báo

2. Phương án điều chỉnh, hoàn thiện nội dung của chiến lược để đảm bảo phù hợp với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường

2.1. Đối với cơ chế, chính sách pháp luật

2.2. Đối với quản lý, công nghệ và các giải pháp khác

2.3. Định hướng về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện đánh giá môi trường chiến lược ĐMC của chiến lược phát triển ngành sữa (nếu có)

2.4. Đề xuất phương án điều chỉnh, hoàn thiện nội dung của chiến lược

PHẦN V

CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

1. Giải pháp thực hiện

1.1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển ngành công nghiệp chế biến sữa

1.2. Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm sữa

1.3. Tăng cường thu hút đầu tư, đổi mới công nghệ cho ngành công nghiệp chế biến sữa

1.4. Phát triển nguồn nhân lực cho ngành công nghiệp chế biến sữa

- 1.5. Phát triển nguồn cung ứng nguyên liệu cho sản xuất và chế biến sữa
- 1.6. Phát triển bền vững và xanh hóa ngành công nghiệp chế biến sữa
- 1.7. Xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm và doanh nghiệp trong ngành công nghiệp chế biến sữa
- 1.8. Một số giải pháp cụ thể theo nhóm sản phẩm ngành sữa

2. Tổ chức thực hiện

- 2.1. Bộ Công Thương
- 2.2. Các Bộ/ ngành
- 2.3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- 2.4. Các cơ quan, đơn vị có liên quan khác

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

TÀI LIỆU THAM KHẢO